

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI
CAT LAI PORT JOINT STOCK
COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/ No: 29/CV – CLL
V/v Công bố thông tin bất thường
Re: *Extraordinary information disclosure*

TP. HCM, ngày 24 tháng 4 năm 2026
HCM City, April 24, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Ho Chi Minh City Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI/
CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: **CLL**

- Địa chỉ/ *Address*: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh/
Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ/ *Tel*: 028 6266 5678 Fax: 028 6265 5678

- E-mail: catlaiportjsc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty về kế hoạch kinh doanh năm 2026 của công ty/ *Resolution of the Company's Board of Directors on the Company's business plan for 2026*.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/4/2026 tại đường dẫn <http://catlaiport.com.vn/tin-tuc/pages/cong-bo-thong-tin>.

This information was published on the company's website on April 24, 2026, as in the link <http://catlaiport.com.vn/tin-tuc/pages/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and fully take responsibility to the law for the contents of the information disclosed.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
*- Nghị quyết số/ Resolution No.: 04/NQ-
HDQT-2026.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Lê Chí Đăng



**CAT LAI
PORT JSC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Đường Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

Tel : +(84 28) 3742 3499 Fax : +(84 28) 3742 3500

Website: <http://catlaiport.com.vn>

Mã số doanh nghiệp : 0 3 0 5 1 6 8 9 3 8

Số: 04/NQ-HĐQT-2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ 20, nhiệm kỳ IV (2023 - 2028)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái;

Căn cứ Tờ trình số 04/TT-HĐQT-2026 ngày 03/03/2026 v/v thông qua dừng hợp tác đầu tư Dự án ĐTXD kho hàng tại KCTC Vina Cái Mép;

Căn cứ Tờ trình số 06/TT-HĐQT-2026 ngày 13/04/2026 v/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án Đầu tư mua sắm cần trục cố định mới - Cầu cảng 2.200 DWT- Cảng Cổ phần Cát Lái;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị phiên 20, nhiệm kỳ IV (2023-2028) của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025:

- Kết quả SXKD Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH / KH	So sánh TH / 2024
1	Tổng doanh thu	264.303	249.776	94,50%	119,54%
2	Tổng chi phí	159.687	133.292	83,47%	149,67%
3	Lợi nhuận trước thuế	104.616	116.484	111,34%	97,16%
4	Lợi nhuận sau thuế	84.736	94.383	111,39%	98,39%
5	Thuế TNDN	19.880	22.101	111,17%	92,23%

- Kết quả SXKD hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH / KH	So sánh TH / 2024
1	Tổng doanh thu	321.225	410.357	127,75%	122,12%
2	Tổng chi phí	212.265	289.966	136,61%	132,94%
3	Lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	6.460	7.212	111,64%	116,23%
4	Lợi nhuận trước thuế	115.420	127.603	110,56%	102,80%
5	Lợi nhuận sau thuế	93.413	103.019	110,28%	103,90%
	Lợi nhuận của công ty mẹ	89.656	98.663	110,05%	101,32%
	Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	3.757	4.356	115,95%	244,70%
6	Thuế TNDN	22.007	24.583	111,71%	98,44%

Điều 2. Thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Ghi chú	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		94.382.840.157
2	- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST	4.719.142.008
3	- Thưởng vượt kế hoạch Ban QLĐH	20% (LNST thực hiện - LNST kế hoạch) nhưng không quá 1 tỷ đồng	1.000.000.000
4	Lợi nhuận 2025 chia cổ tức (1 - 2 - 3)		88.663.698.149
5	Lợi nhuận lũy kế đến 2024 còn dư		223.319.757
6	Cổ tức năm 2025: Chia hết lợi nhuận lũy kế đến hết 2025 (4 + 5)		88.887.017.906

Điều 3. Thông qua kết quả đầu tư 2025:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH
I	Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn	79.050.824.759	10.110.642.124	12,79%
1	Sửa chữa kè bờ và cầu cảng 2.200 DWT (phục vụ phương án tiếp nhận tàu trọng tải đến 5.000 DWT)	12.964.322.549	9.336.280.423	72,02%
2	Lập hồ sơ tiếp nhận tàu có trọng tải đến 40.000 DWT - cầu cảng số 7	932.912.685	-	0,00%
3	Lập hồ sơ tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT - cầu cảng 2.200 DWT	930.234.585	-	0,00%

4	Sửa chữa nâng cấp đường bãi sau cầu tàu số 7 – Cảng Cổ phần Cát Lái	64.223.354.940	774.361.701	1,21%
II	Mua sắm máy móc, trang thiết bị, vật tư	28.661.617.819	24.014.727.215	83,79%
1	Mua 01 thiết bị đầu cầu Liebherr mới thay thế cho cầu LB06	22.429.071.837	21.263.727.215	94,80%
2	Mua sắm 02 hộp giảm tốc tời nâng hàng cầu Kranbau Eberswalde (KE) Q16	3.481.545.982	2.751.000.000	79,02%
3	Mua sắm 02 hộp giảm tốc tời nâng hàng cầu Kranbau Eberswalde (KE) Q15	2.751.000.000	-	0,00%
III	Tổng cộng (I + II)	107.712.442.578	34.125.369.339	31,68%

Điều 4. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và một số công tác quản trị điều hành trong năm 2025:

➤ **Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025; chi Quỹ thưởng vượt kế hoạch năm 2024:**

- Chi trả thù lao HĐQT và BKS : 648.000.000 đồng.
Trong đó, Thù lao HĐQT : 480.000.000 đồng.
Thù lao BKS : 168.000.000 đồng.
- Chi Quỹ thưởng vượt kế hoạch : 292.258.136 đồng.

➤ **Quỹ lương năm 2025:**

- Tổng quỹ tiền lương năm 2024 : 18.902.809.908 đồng.
Trong đó: Quỹ lương Người lao động : 13.179.829.615 đồng.
Quỹ lương Ban điều hành : 5.722.980.293 đồng.

➤ **Thu nhập của HĐQT, BKS, BĐH : 6.378.598.262 đồng.**

➤ **Công tác quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:**

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2025 của Người đại diện vốn (NDDV) tại Công ty CP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái.
- Báo cáo giám sát tài chính năm 2025 của NDDV tại Công ty CP Tân Cảng Quế Võ.
- Báo cáo giám sát tài chính năm 2025 của NDDV tại Công ty CP Cao su TP. HCM.

Điều 5. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2026:

5.1. Kế hoạch SXKD Công ty mẹ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH 2026 / TH 2025	
				Tăng/Giảm	%
1	Tổng doanh thu	249.776	233.766	(16.010)	93,59%
	Doanh thu thuần	235.398	220.106	(15.292)	93,50%
	Doanh thu tài chính	14.318	13.660	(658)	95,40%
	Thu nhập khác	60	-	(60)	0,00%
2	Tổng chi phí	133.292	143.770	10.478	107,86%
	Giá vốn hàng bán	104.818	111.235	6.417	106,12%
	Chi phí bán hàng	1.750	2.710	960	154,86%
	Chi phí QLDN	26.483	29.525	3.042	111,49%
	Chi phí tài chính	237	300	63	126,58%
	Chi phí khác	4	-	(4)	0,00%
3	Lợi nhuận trước thuế	116.484	89.996	(26.488)	77,26%
4	Lợi nhuận sau thuế	94.383	73.446	(20.937)	77,82%
5	Thuế TNDN	22.101	16.550	(5.551)	74,88%

5.2. Kế hoạch SXKD hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH2026 / TH2025	
				Tăng/ Giảm	%
1	Tổng doanh thu	410.357	387.356	(23.001)	94,39%
	Doanh thu thuần	399.335	379.623	(19.712)	95,06%
	Doanh thu tài chính	6.222	3.429	(2.794)	55,10%
	Thu nhập khác	4.800	4.304	(496)	89,67%
2	Tổng chi phí	289.966	296.288	6.322	102,18%
	Giá vốn hàng bán	254.619	252.326	(2.293)	99,10%
	Chi phí bán hàng	1.750	2.710	960	154,89%
	Chi phí QLDN	32.881	39.369	6.488	119,73%
	Chi phí tài chính	712	1.883	1.171	264,36%
	Chi phí khác	4	-	(4)	0,00%
3	Lãi, lỗ Công ty LD, LK	7.212	7.760	548	107,60%
4	Lợi nhuận trước thuế	127.603	98.828	(28.775)	77,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	103.019	79.846	(23.173)	77,51%
	Lợi nhuận Công ty mẹ	98.663	75.787	(22.876)	76,81%
	Lợi nhuận cổ đông không kiểm soát	4.356	4.059	(297)	93,17%
6	Thuế TNDN	24.583	18.982	(5.602)	77,21%

Điều 6. Thông qua kế hoạch tiền lương năm 2026:

Tổng quỹ lương năm 2026: **20.580.000.000 đồng**, trong đó:

- Quỹ lương người lao động: **14.610.000.000 đồng**, tương đương bằng **15,03%** Doanh thu tính lương trừ Chi phí không lương.

- Quỹ lương ban điều hành (CT, BGD, KTT): **5.970.000.000 đồng**, tương đương bằng **6,14%** Doanh thu tính lương trừ Chi phí không lương.

Điều 7. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% LNST = 3.672.300.000 đồng.

- Khen thưởng Ban QLĐH : 20% LNST vượt kế hoạch nhưng không quá 1 tỷ đồng.

- Dự kiến chia cổ tức : Chia hết lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ, dự kiến mức chia cổ tức 20,5%/VĐL.

Điều 8. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026:

Stt	Ban điều hành	Mức thù lao đề xuất năm 2026 (đồng/người/tháng)
1	Hội đồng quản trị	
	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000.000
	Thành viên HĐQT	6.000.000
2	Ban kiểm soát	
	Trưởng BKS	5.000.000
	Kiểm soát viên	4.500.000

Điều 9. Thông qua Kế hoạch đầu tư năm 2026:

Stt	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026
I	Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn	88.252.303.775	11.160.824.200	77.091.479.575
1	Sửa chữa kè bờ và cầu cảng 2.200 DWT (phục vụ phương án tiếp nhận tàu trọng tải đến 5.000 DWT)	13.375.408.585	9.747.366.459	3.628.042.126
2	Lập hồ sơ tiếp nhận tàu có trọng tải đến 40.000 DWT - cầu cảng số 7	1.326.121.655	393.208.970	932.912.685
3	Lập hồ sơ tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT - cầu cảng 2.200 DWT	1.176.121.655	245.887.070	930.234.585
4	Sửa chữa nâng cấp đường bãi sau cầu tàu số 7 – Cảng Cổ phần Cát Lái.	64.215.700.203	774.361.701	63.441.338.502

5	XDM Trạm biến áp 2.000kVA - 22/0,4kV và nâng cấp hệ thống điện Trạm điện Số 5	8.158.951.677	-	8.158.951.677
II	Mua sắm máy móc, trang thiết bị, vật tư	13.895.612.236	1.179.000.000	12.716.612.236
1	Mua sắm 02 hộp giảm tốc tời nâng hàng cầu Kranbau Eberswalde (KE) Q15	3.930.000.000	1.179.000.000	2.751.000.000
2	Mua sắm vật tư thay thế hệ thống điện cho cầu bờ STS Q16	9.965.612.236	-	9.965.612.236
III	Tổng cộng (I + II)	102.147.916.011	12.339.824.200	89.808.091.811

Điều 10. Thông qua dừng hợp tác đầu tư Dự án ĐTXD kho hàng tại KCTC Vina Cái Mép.

Lý do hủy: Do Đơn vị chủ đầu tư là Công ty TNHH KCTC Vina đơn phương đề nghị tạm dừng hợp tác vì chưa thể đảm bảo tính pháp lý của dự án và có nguy cơ rủi ro cho các bên tham gia.

Điều 11. Thông qua quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đầu tư mua sắm cần trục cố định mới - Cầu cảng 2.200 DWT - Cảng Cổ phần Cát Lái.

- Giá trị quyết toán được phê duyệt: **26.297.285.504** đồng.
- Giao Giám đốc Công ty:
 - + Tổ chức thực hiện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án;
 - + Thực hiện thủ tục thanh quyết toán các gói thầu của công trình theo giá trị quyết toán được phê duyệt.
- Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án.

Điều 12. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban/ cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Sơn



**CAT LAI
PORT JSC**

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY
 Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
 Tel : +(84 28) 3742 3499 Fax : +(84 28) 3742 3500
 Website: <http://catlaiport.com.vn>
 Enterprise Code: 0 3 0 5 1 6 8 9 3 8

No.: 04/NQ-HĐQT-2026

Ho Chi Minh City, April 24, 2026

RESOLUTION

20th Meeting, Term IV (2023 - 2028)

BOARD OF DIRECTORS OF CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020; as amended and supplemented by Law No. 76/2025/QH15;

Pursuant to the Charter of Cat Lai Port Joint Stock Company;

Pursuant to the Regulations on Operations of the Board of Directors of Cat Lai Port Joint Stock Company;

Pursuant to Proposal No. 04/TT-HĐQT-2026 dated March 03, 2026, regarding the approval to terminate the investment cooperation for the Warehouse Construction Investment Project at KCTC Vina Cai Mep;

Pursuant to Proposal No. 06/TT-HĐQT-2026 dated April 13, 2026, regarding the approval of the investment capital finalization for the completed project: Investment and procurement of a new fixed crane - 2,200 DWT wharf - Cat Lai Port Joint Stock Company;

Pursuant to the Minutes of the Board of Directors Meeting, Session 20, Term IV (2023-2028) of Cat Lai Port Joint Stock Company, dated April 24, 2026.

HEREBY RESOLVES

Article 1. Approval of the 2025 business performance results:

- Business performance results of the Parent Company:

Unit: million VND

No.	Indicator	2025 Plan	2025 Result	Result/ Plan	Result 2025/ 2024
1	Total Revenue	264,303	249,776	94.50%	119.54%
2	Total Expenses	159,687	133,292	83.47%	149.67%
3	Profit Before Tax	104,616	116,484	111.34%	97.16%
4	Profit After Tax	84,736	94,383	111.39%	98.39%
5	Corporate Income Tax	19,880	22,101	111.17%	92.23%

- Consolidated business performance results:

Unit: million VND

No.	Indicator	2025 Plan	2025 Result	Result/ Plan	Result 2025/ 2024
1	Total Revenue	321,225	410,357	127.75%	122.12%
2	Total Expenses	212,265	289,966	136.61%	132.94%
3	Profit/Loss from Joint Ventures and Associates	6,460	7,212	111.64%	116.23%
4	Profit Before Tax	115,420	127,603	110.56%	102.80%
5	Profit After Tax	93,413	103,019	110.28%	103.90%
	- Profit of the Parent Company	89,656	98,663	110.05%	101.32%
	- Profit of Non-controlling Shareholders	3,757	4,356	115.95%	244.70%
6	Corporate Income Tax	22,007	24,583	111.71%	98.44%

Article 2. Approval of the Proposal on profit distribution plan for 2025:

Unit: VND

No.	Item	Note	Amount
1	2025 Profit after tax (PAT)		94,382,840,157
2	- Bonus and welfare fund	5% PAT	4,719,142,008
3	- Performance bonus for Management	20% of (Actual PAT – Planned PAT) but not exceeding VND 1 billion	1,000,000,000
4	Profit distributed as 2025 dividends (1 - 2 - 3)		88,663,698,149
5	Retained earnings from previous years		223,319,757
6	Dividend for 2025: Distribute all accumulated profits up to the end of 2025 (4 + 5)		88,887,017,906

Article 3. Approval of the Investment Results for 2025:

Unit: VND

No	Investment Items	2025 Plan	2025 Result	Result/ Plan
I	Investment in construction, major repairs	79,050,824,759	10,110,642,124	12.79%
1	Repair of the embankment and 2,200 DWT whaft (to serve the reception of vessels up to 5,000 DWT)	12,964,322,549	9,336,280,423	72.02%

2	Preparation of documentation for receiving vessels with a capacity of up to 40,000 DWT - whaft No. 7	932,912,685	-	0.00%
3	Preparation of documentation for receiving vessels with a capacity of up to 5,000 DWT - 2,200 DWT whaft	930,234,585	-	0.00%
4	Repair and maintenance of rail systems and auxiliary equipment for Whaft No. 7	64,223,354,940	774,361,701	1.21%
II	Procurement of machinery, equipment, and materials	28,661,617,819	24,014,727,215	83.79%
1	Purchase of 01 new Liebherr crane to replace LB06 crane	22,429,071,837	21,263,727,215	94.80%
2	Procurement of 02 gearbox units for Kranbay Eberswalde (KE) Q16 crane	3,481,545,982	2,751,000,000	79.02%
3	Procurement of 02 gearbox units for Kranbay Eberswalde (KE) Q15 crane	2,751,000,000	-	0.00%
III	Total (I + II)	107,712,442,578	34,125,369,339	31.68%

Article 4. Approval of the report on the performance of duties pursuant to the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, and corporate governance activities in 2025:

➤ **Remuneration payments for the Board of Directors (BOD) and the Supervisory Board (BOS) in 2025; payments of Bonus Fund for exceeding targets in 2024:**

- Remuneration for the BOD and BOS: VND 648,000,000.

In which, BOD Remuneration: VND 480,000,000.

BOS Remuneration: VND 168,000,000.

- Bonus Fund for exceeding targets: VND 292,258,136.

➤ **2025 Salary Fund:**

- Total salary fund for 2024: VND 18,902,809,908.

In which, Employees' salary fund: VND 13,179,829,615.

Executive Board's salary fund: VND 5,722,980,293.

➤ **Income of the BOD, BOS, and Executive Board: VND 6,378,598,262.**

➤ **Management of outbound investment capital:**

- 2025 Financial Supervision Report of the Authorized Representative at Cat Lai Port International Logistics JS Company.

- 2025 Financial Supervision Report of the Authorized Representative at Tan Cang Que Vo JS Company.

- 2025 Financial Supervision Report of the Authorized Representative at Ho Chi Minh City Rubber JS Company.

Article 5. Approval of the 2026 Business Plan:

5.1. Business plan of the parent company:

Unit: million VND

No.	Indicator	2025 Result	2026 Plan	2026 Plan / 2025 Result	
				Increase/ Decrease	%
1	Total revenue	249,776	233,766	(16,010)	93.59%
	Net revenue	235,398	220,106	(15,292)	93.50%
	Financial income	14,318	13,660	(658)	95.40%
	Other income	60	-	(60)	0.00%
2	Total expenses	133,292	143,770	10,478	107.86%
	Cost of goods sold	104,818	111,235	6,417	106.12%
	Selling expenses	1,750	2,710	960	154.86%
	Administrative expenses	26,483	29,525	3,042	111.49%
	Financial expenses	237	300	63	126.58%
	Other expenses	4	-	(4)	0.00%
3	Profit before tax	116,484	89,996	(26,488)	77.26%
4	Profit after tax	94,383	73,446	(20,937)	77.82%
5	Corporate income tax	22,101	16,550	(5,551)	74.88%

5.2. Consolidated business plan:

Unit: million VND

No.	Indicator	2025 Result	2026 Plan	2026 Plan / 2025 Result	
				Increase/ Decrease	%
1	Total revenue	410,357	387,356	(23,001)	94.39%
	Net revenue	399,335	379,623	(19,712)	95.06%
	Financial income	6,222	3,429	(2,794)	55.10%
	Other income	4,800	4,304	(496)	89.67%
2	Total expenses	289,966	296,288	6,322	102.18%
	Cost of goods sold	254,619	252,326	(2,293)	99.10%
	Selling expenses	1,750	2,710	960	154.89%
	Administrative expenses	32,881	39,369	6,488	119.73%
	Financial expenses	712	1,883	1,171	264.36%
	Other expenses	4	-	(4)	0.00%

3	Profit and loss for joint venture and affiliated companies	7,212	7,760	548	107.60%
4	Profit before tax	127,603	98,828	(28,775)	77.45%
5	Profit after tax	103,019	79,846	(23,173)	77.51%
	<i>Profit of Parent Company</i>	98,663	75,787	(22,876)	76.81%
	<i>Profit of Non-Controlling Shareholders</i>	4,356	4,059	(297)	93.17%
6	Corporate income tax	24,583	18,982	(5,602)	77.21%

Article 6. Approval of the Salary payment plan for 2026:

Total 2026 Salary Fund: VND 20,580,000,000, in which:

- Employees' salary fund: VND 14,610,000,000, equivalent to 15.03% of Salary-based Revenue minus Non-salary Expenses.
- Executive Board's salary fund (Chairman, Board of Directors, Chief Accountant): VND 5,970,000,000, equivalent to 6.14% of Salary-based Revenue minus Non-salary Expenses.

Article 7. Approval of the 2026 Profit Distribution Plan:

- Bonus and Welfare Fund: 5% of PAT = VND 3,672,300,000.
- Bonus for the Executive Board: 20% of the PAT exceeding the target, but not exceeding VND 1 billion.
- Expected Dividend Distribution: To distribute all remaining profit after tax after the appropriation of funds; the expected dividend rate is 20.5% of Charter Capital.

Article 8. Approval of Payment of remuneration plan to the BOD, BOS for 2026:

No.	Title	Proposed Monthly Remuneration (per person)
1	Board of Directors	
	Vice Chairman	10,000,000
	Member	6,000,000
2	Board of Supervisors	
	Head	5,000,000
	Member	4,500,000

Article 9. Approval of Investment plan for 2026:

No	Investment Items	Total Investment	Cumulative Implementation by End of 2025	2026 Plan

I	Investment in construction, major repairs	88,252,303,775	11,160,824,200	77,091,479,575
1	Repair of the embankment and 2,200 DWT whaft (to serve the reception of vessels up to 5,000 DWT)	13,375,408,585	9,747,366,459	3,628,042,126
2	Preparation of documentation for receiving vessels with a capacity of up to 40,000 DWT - whaft No. 7	1,326,121,655	393,208,970	932,912,685
3	Preparation of documentation for receiving vessels with a capacity of up to 5,000 DWT - 2,200 DWT whaft	1,176,121,655	245,887,070	930,234,585
4	Repair and maintenance of rail systems and auxiliary equipment for Whaft No. 7	64,215,700,203	774,361,701	63,441,338,502
5	Construction of a new 2,000kVA - 22/0.4kV transformer substation and upgrading of the electrical system at Power Station No. 5	8,158,951,677	-	8,158,951,677
II	Procurement of machinery, equipment, and materials	13,895,612,236	1,179,000,000	12,716,612,236
1	Procurement of 02 gearbox units for Kranbay Eberswalde (KE) Q15 crane	3,930,000,000	1,179,000,000	2,751,000,000
2	Procurement of replacement electrical system parts for STS Q16 shore crane.	9,965,612,236	-	9,965,612,236
III	Total (I + II)	102,147,916,011	12,339,824,200	89,808,091,811

Article 10. Approval of the termination of Investment Cooperation for the Warehouse Construction Project at KCTC Vina Cai Mep.

Reason for Termination: The investor, KCTC Vina Company Limited, unilaterally requested a temporary suspension of cooperation due to the inability to ensure the project's legality and the potential risks to participating parties.

Article 11. Approval of the investment capital finalization for the completed project: Investment and procurement of a new fixed crane - 2,200 DWT whaft- Cat Lai Port Joint Stock Company.

- Approved finalization value: VND 26,297,285,504.
- The Director of the Company is assigned to:
 - + Organize the implementation of the approval for the project's completed investment capital finalization;

+ Carry out procedures for the payment and settlement of the project's bidding packages in accordance with the approved finalization value.

- The Director of the Company shall be responsible for the accuracy of the finalization documents regarding the completed project investment capital.

Article 12. This Resolution comes into effect from the date of signing.

The Board of Directors, Executive Board, and relevant departments/ individuals are responsible for implementing this Resolution.

Recipients:

- As per Article 12;
- Board of Supervisors;
- Archived: BOD Secretary.

ON BEHALF OF THE BOARD OF
DIRECTORS
CHAIRMAN



